

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 9/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 924/TTr-STNMT ngày 01/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khôi (Mã số doanh nghiệp: 4100409805; Địa chỉ: 66 Nguyễn Thái Học, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) được khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với những nội dung như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác là 7,95ha (khu vực 1: có diện tích là 3,5ha; khu vực 2: có diện tích là 1,95ha; khu vực 3: có diện tích là 2,5ha) có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác thấp nhất: không quá 02m. Cao trình khai thác không thấp hơn mực nước trung bình mùa kiệt.

3. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác (trữ lượng đã tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) bằng trữ lượng được phê duyệt tại Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh là 179.036,5 m³.

4. Trữ lượng khai thác: 179.036,5 m³.

5. Phương pháp khai thác: khai thác lộ thiên bằng xe cơ giới kết hợp thủ công.

6. Công suất khai thác: 30.500m³ cát/năm.

7. Thời hạn khai thác: 02 năm kể từ ngày ký.

8. Mục đích khai thác: phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng và dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khôi có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Tiến hành hoạt động khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

6. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về

khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

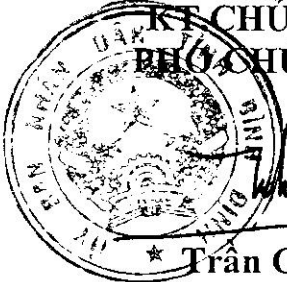
Điều 3. Giấy phép này thay thế Giấy phép khai thác số 12/GP-UBND ngày 15/3/2016.

1. Trước khi tiến hành khai thác, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khôi phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường thiết kế mỏ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

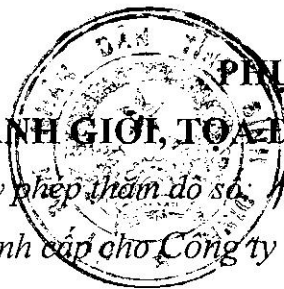
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Vân Canh, Chủ tịch UBND xã Canh Vinh, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khôi và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này kể từ ngày ký./. *llll*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TM&XD Khôi;
- Sở TN&MT;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Trung;
- Lưu: VP, K4. *llll*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH



PHỤ LỤC SỐ 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số: 100 /GP-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2019
của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khôi)

Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 111°00, múi chiều 6°)								
Khu vực I: Diện tích 3,5 ha			Khu vực II: Diện tích 1,95 ha			Khu vực III: Diện tích 2,5 ha		
Điểm	X(m)	Y(m)	Điểm	X(m)	Y(m)	Điểm	X(m)	Y(m)
I-1	1.517.160	289.990	II-1	1.516.648	289.330	III-1	1.515.710	289.053
I-2	1.516.910	289.745	II-2	1.516.483	289.226	III-2	1.515.576	289.065
I-3	1.516.733	289.465	II-3	1.516.337	289.147	III-3	1.515.417	289.097
I-4	1.516.694	289.507	II-4	1.516.334	289.167	III-4	1.515.306	289.143
I-5	1.516.865	289.770	II-5	1.516.446	289.264	III-5	1.515.308	289.182
I-6	1.517.135	290.040	II-6	1.516.581	289.397	III-6	1.515.449	289.116
						III-7	1.515.579	289.134
						III-8	1.515.715	289.087